

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương chứng nhận:

1. Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh Công nghiệp

Địa chỉ liên lạc: số 132 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Địa chỉ Phòng Thử nghiệm: số 132 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 02435585427; Email: phantichkiemdinh.riceglass@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực hóa học và cơ lý trên sản phẩm tiêu dùng (chi tiết tại phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 03.24.TN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trang MOIT (đăng thông báo);
- Lưu: VT, KHCN, anhgthi.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, VẬT LIỆU TRONG LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 104/GCN-BCT ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử <i>The name of tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Dụng cụ bằng gốm, gồm thủy tinh và dụng cụ đựng thức ăn bằng thủy tinh tiếp xúc với thực phẩm: chai lọ, cốc chén, bát, đĩa, vành uống	Xác định hàm lượng thôi ra của chì và cadimi trong môi trường CH ₃ COOH 4%	Pb: 2,0 µg/L Cd: 1,0 µg/L	TCVN 7146-1:2002
2.	Dụng cụ thủy tinh có lòng sâu tiếp xúc với thực phẩm: chai lọ, cốc chén, bát, đĩa, vành uống	Xác định hàm lượng thôi ra của chì và cadimi trong môi trường CH ₃ COOH 4%	Pb: 2,0 µg/L Cd: 1,0 µg/L	TCVN 7147-1:2002
3.	Nguyên liệu và sản phẩm gồm sứ thủy tinh	Xác định độ ẩm	-	TCVN 4196:2012
		Xác định hàm lượng mất khi nung	-	TCVN 7131:2016
		Xác định hàm lượng SiO ₂	(0,01 - 95) %	QTTN-06:2019
		Xác định hàm lượng Al ₂ O ₃	(0,01 - 37) %	
		Xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃	(0,01 - 11) %	
		Xác định hàm lượng TiO ₂	(0,01 - 6) %	

✓

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử <i>The name of tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
4.		Xác định hàm lượng CaO	(0,01 - 55) %	QTTN-07:2019
		Xác định hàm lượng MgO	(0,01 - 35) %	
		Xác định hàm lượng oxit kiềm K ₂ O và Na ₂ O	(0,01 - 11) %	
	Nguyên liệu gốm sứ	Xác định phân bố cỡ hạt của bột gốm bằng phương pháp tán xạ xạ laser	(0,1 - 300) µm	TCVN 10825:2015
		Xác định thành phần cỡ hạt	≥ 0,9 mm	QTTN-23:2023 (Ref: TCVN 4198:2014)
		Xác định diện tích bề mặt riêng	(0,1 - 2000) m ² /g	QTTN-12:2023
		Xác định sự phân bố cỡ hạt nano bằng phương pháp tán xạ ánh sáng động học	(0,3 - 8000 nm)	QTTN-11:2019
		Xác định độ co sấy, co nung	-	QTTN-14:2019
		Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến và khối lượng thể tích	-	QTTN-20:2019
	Nguyên liệu và sản phẩm gốm sứ	Xác định độ trắng	(0,1 - 100)	QTTN-13:2019 (Ref: JIS Z8722:2009)
5.	Sản phẩm xương gốm, thủy tinh, men, frit	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	(0 - 12,5)10 ⁻⁶ /K	QTTN 17:2019 (Ref: ASTM E831-19)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử <i>The name of tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
7.	Sản phẩm gốm sứ, thủy tinh	Xác định độ bền va đập	-	QTTN-26:2024
8.	Vật liệu và sản phẩm gốm sứ, thủy tinh	Xác định độ thấu quang	(0-100%)	QTTN-25:2024
		Xác định thành phần khoáng theo phương pháp XRD	Góc quét 2 θ (5,5-61,0) $^{\circ}$	QTTN-27:2024
		Xác định sự thay đổi khối lượng khi nung theo phương pháp nhiệt lượng quét vi sai DSC/TG	(25-1500 $^{\circ}$ C)	QTTN-28:2024
		Xác định độ cứng bề mặt theo thang Vicker	(9,807-490,3) kgf	QTTN-29:2024

